TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM ĐẢO** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2017/DS-ST
Ngày 20 - 7 - 2017
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nhẫn và ông Lê Mạnh Quỳnh.

***Thư ký phiên toà*:** Bà Đỗ Thị Hạnh, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Đảo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo tham gia phiên toà: Ông Ngô Văn Bản, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2016/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2016 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2017/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Tạ Thị L, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn S, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Trịnh Thị L, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn S, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

2. Anh Trịnh Hồng D, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn S, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

3. Cụ Hoàng Thị C, sinh năm 1933; địa chỉ: Thôn S, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Tạ Thị L, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn S, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 12 năm 2016 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Tạ Thị L trình bày:

Bà là vợ ông Trịnh Hồng Q, vợ chồng bà và bà Nguyễn Thị T là người cùng xã và có quen biết nhau. Bố mẹ ông Q là cụ Hoàng Thị C và cụ Trịnh

Xuân T (liệt sỹ hy sinh năm 1968). Vợ chồng ông bà có 02 con chung là Trịnh Thị L, sinh năm 1990 và Trịnh Hồng D, sinh năm 1992. Ngày 11 tháng 01 năm 2015 ông Q chết do bị tai nạn giao thông.

Khi ông Q còn sống, ông bà có dành dụm được khoản tiền, ông Q bàn với bà cho bà Nguyễn Thị T vay và bà đồng ý. Ngày 23 tháng 7 năm 2014 ông Q cho bà T vay số tiền 80.000.000đ, khi vay hai bên không thỏa thuận thời hạn trả cũng như lãi suất, bà T viết giấy biên nhận, ông Q giao đủ cho bà T số tiền 80.000.000đ và giữ giấy biên nhận. Sau khi ông Q chết, gia đình bà nhiều lần yêu cầu bà T trả tiền vay nhưng bà T đều khất và không trả được khoản tiền vay nào. Bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà T phải trả cho bà số tiền 80.000.000đ, bà không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về mối quan giữa bà với vợ chồng ông Trịnh Hồng Q như bà L trình bày là đúng. Bà khẳng định bà không vay, nợ bất cứ tài sản gì của vợ chồng ông Q và bà L.

Năm 2014, bà có vay nóng số tiền 250.000.000đ của ông Nguyễn Khắc Đ hiện là Phó Bí thư Đảng ủy xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi vay vài ngày (bà không nhớ cụ thể) bà mang tiền đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã H để trả ông Đ nhưng ông Đ không có mặt ở trụ sở Ủy ban xã, bà gặp ông Trịnh Hồng Q thời điểm đó là Trưởng Công an xã H, bà có nói bà mang tiền trả ông Đ nhưng không gặp. Do bận đi làm lễ, không muốn cầm nhiều tiền nên bà đưa số tiền 250.000.000đ nhờ ông Q trả cho ông Đ, ông Q đồng ý, khi đưa tiền cho ông Q không viết giấy tờ gì và không có người chứng kiến.

Khoảng 4 ngày sau, bà đến Ủy ban nhân dân xã H gặp ông Q hỏi thì ông Q trả lời: Ông không gặp được ông Đ nên không trả được, bà yêu cầu ông Q trả tiền để bà trả ông Đ thì ông Q nói không mang tiền theo và hẹn 03 ngày sau trả. Sau đó, ông Q trả cho bà 170.000.000đ, khi trả không làm giấy tờ, không có người chứng kiến. Ngày 23 tháng 7 năm 2014, ông Q nhờ 01 người đàn ông và 01 người phụ nữ bà không quen biết đến trả bà số tiền 80.000.000đ, khi trả tiền hai người đó có yêu cầu bà viết giấy xác nhận đã nhận của ông Q số tiền 80.000.000đ nên bà viết giấy biên nhận. Bà xác định không vay nợ tiền của ông Q nên bà không đồng ý trả số tiền 80.000.0000đ cho bà L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Cụ Hoàng Thị C, người đại diện theo ủy quyền của cụ C là bà Tạ Thị L trình bày: Thống nhất với trình bày và quan điểm của nguyên đơn. Khi ông Q còn sống có nói với cụ C về việc ông Q cho bà Nguyễn Thị T vay số tiền 80.000.000đ, việc vay cụ thể thế nào cụ C không biết, từ khi vay đến nay bà T chưa trả cho vợ chồng ông Q, bà L khoản tiền nào. Nay ông Q đã chết, cụ C đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà T phải trả số tiền 80.000.000đ, không yêu cầu lãi suất.

Chị Trịnh Thị L, anh Trịnh Hồng D, người đại diện theo ủy quyền của chị L và anh D là bà Tạ Thị L: Thống nhất trình bày và quan điểm của nguyên đơn.

Đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà T phải trả số tiền 80.000.000đ, không yêu cầu lãi suất.

Ý kiến của Viện Kiểm sát: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn thực hiện không đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 471, Điều 474 và Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015, xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị T trả bà Tạ Thị L số tiền 80.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Tạ Thị L là vợ của ông Trịnh Hồng Q (đã chết) làm đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả số tiền 80.000.000đ vay ông Q, Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thụ lý đơn khởi kiện của bà Tạ Thị L để giải quyết là đúng thẩm quyền.

Do ông Trịnh Hồng Q đã chết, căn cứ vào Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 Tòa án đưa mẹ ông Q là cụ Hoàng Thị C (bố ông Q đã chết) và các con của ông Q là chị Trịnh Thị L và anh Trịnh Hồng D tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Tạ Thị L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (cụ Hoàng Thị C, chị Trịnh Thị L và anh Trịnh Hồng D) đều khẳng định ngày 23 tháng 7 năm 2014, ông Trịnh Hồng Q có cho bà Nguyễn Thị T vay số tiền 80.000.000đ, không thỏa thuận lãi suất và thời hạn vay, ông Q đã giao đủ số tiền 80.000.000đ cho bà T và bà T có viết giấy biên nhận.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T không thừa nhận việc vay của ông Q số tiền 80.000.000đ nhưng bà T thừa nhận có viết giấy biên nhận, nội dung: "…có nhận số tiền của anh: Trịnh Hồng Q với số tiền là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng chẵn...". Bà T cho rằng việc nhận số tiền 80.000.000đ là do trước đó bà đưa cho ông Q số tiền 250.000.000đ nhờ trả cho ông Nguyễn Khắc Đ, do ông Q không gặp ông Đ nên sau đó ông Q đã trả cho bà 170.000.000đ, còn lại 80.000.000đ ông Q nhờ người phụ nữ và người nam giới đến trả cho bà, khi trả hai người này có yêu cầu viết giấy biên nhận tiền của ông Q nhưng bà T không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh, Tòa án nhiều lần báo đến làm việc nhưng bà cố tình gây khó khăn, không hợp tác. Ông Nguyễn Khắc Đ khẳng định ông chưa bao giờ cho bà T cũng như vợ chồng ông Q và bà L vay tiền, việc ông Q có cho bà T vay tiền hay không, vay thời gian nào, bao nhiêu tiền ông không biết.

Từ những phân tích trên, có đủ cơ sở khẳng định: Ngày 23 tháng 7 năm 2014 ông Trịnh Hồng Q cho bà Nguyễn Thị T vay số tiền 80.000.000đ. Vì vậy,

cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Tạ Thị L số tiền 80.000.000đ là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; trả lại cho bà Tạ Thị L số tiền tạm ứng án phí là 2.000.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 471, Điều 474, Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị L. Buộc bà Nguyễn Thị T trả bà Tạ Thị L số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng).

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà Tạ Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tại Biên lai số 0004625 ngày 06 tháng 12 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Đảo.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo;
- Chi cục THADS huyện Tam Đảo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XET XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu